

50 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ NÔNG LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Phạm Quang Vinh^(*)

Tháng 2-1956, Cục Thống kê Trung ương được thành lập nằm trong Ủy ban Kế hoạch Nhà nước gồm 5 phòng, trong đó có Phòng thống kê nông nghiệp. Đến tháng 11-1960, Cục Thống kê Trung ương được tách ra khỏi UBKHNN và trực thuộc Hội đồng Chính phủ lấy tên là Tổng cục Thống kê. Trong tổ chức bộ máy của Tổng cục Thống kê phòng thống kê nông nghiệp được chuyển thành Vụ Thống kê nông nghiệp.

Ở cấp Trung ương tên gọi của chuyên ngành thống kê nông nghiệp có nhiều thay đổi từ Phòng thống kê nông nghiệp lúc mới thành lập đến “Vụ thống kê nông nghiệp” sau đổi thành “Vụ Nông, Lâm nghiệp” hoặc “Vụ Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản” và gần đây nhất theo Nghị định số: 101/2003/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê được gọi là “Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản”, tuy tên gọi có khác nhau trong từng thời kỳ phù hợp với nội dung thay đổi trong phân ngành kinh tế quốc dân, trong phân công thu thập thông tin thống kê giữa Tổng cục Thống kê với các Bộ ngành liên quan cũng như thay đổi chức năng nhiệm vụ giữa các Vụ trong Tổng cục Thống kê. Biên chế của Vụ, năm cao nhất 35 cán bộ, những năm gần đây Vụ thường có từ 19

đến 22 cán bộ, trong đó 100% là tốt nghiệp đại học, chủ yếu là đại học thống kê. Mặc dù tổ chức của Vụ cũng có thay đổi theo thời gian, nhưng thường xuyên có các bộ phận/phòng thống kê chủ yếu: bộ phận/phòng tổng hợp và phương pháp chế độ nông, lâm nghiệp, thủy sản; bộ phận/phòng thống kê nông nghiệp; bộ phận/phòng thống kê lâm nghiệp, thủy sản và quốc doanh.

Với chức năng, nhiệm vụ được giao, trong thời gian qua, chuyên ngành thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản đã đảm bảo thực hiện kế hoạch thông tin thống kê trong lĩnh vực này theo sự phân công của Tổng cục, phục vụ kịp thời sự lãnh đạo và chỉ đạo của các ngành các cấp hàng năm và từng thời kỳ của kế hoạch 5 năm.

Trong những năm đổi mới, nhu cầu thông tin về nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng lên cả về số lượng, chủng loại và chất lượng. Để đáp ứng nhu cầu thông tin, nhiều cuộc điều tra quan trọng như Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản, điều tra trang trại và đặc biệt là các cuộc điều tra thường xuyên như điều tra diện tích, năng suất, sản lượng lúa, điều tra chăn nuôi, điều tra lâm nghiệp, điều tra thủy sản đã được triển khai. Nhờ vậy, thông tin thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản đã đáp ứng tốt hơn yêu cầu của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới.

^(*) Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản

Hoạt động thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản qua các thời kỳ

Thời kỳ 1955 - 1975

Về công tác phương pháp chế độ:

Là thời kỳ mới hình thành của ngành nên trọng tâm của công tác phương pháp chế độ là nghiên cứu và xây dựng mới các biểu mẫu báo cáo và những phương án điều tra quan trọng. Trong thời kỳ này, công việc đầu tiên là ngành Thống kê đã cùng các bộ, ngành nghiên cứu và lập ra biểu mẫu báo cáo thống kê cho các ngành và xây dựng các phương án điều tra nông nghiệp. Phương án điều tra năng suất, sản lượng lúa đã được ban hành và chỉ đạo thống nhất trong toàn quốc từ năm 1957. Phương pháp điều tra đầu tiên được sử dụng là phương pháp điều tra điển hình lấy địa bàn cấp tỉnh làm phạm vi phân vùng chọn đơn vị đại diện điều tra. Đến năm 1958 cuộc điều tra năng suất và sản lượng lúa đã được cải tiến lấy huyện làm phạm vi phân vùng chọn xã đại diện. Đến năm 1959 nguyên tắc phân vùng chọn xã đại diện dựa vào việc xem xét đánh giá thực tế mùa màng là chủ yếu có kết hợp với định mức thuế nông nghiệp. Từ năm 1962 phương pháp điều tra được cải tiến thêm một bước: việc phân vùng theo huyện dựa vào năng suất lúa trung bình 3 năm kết hợp với quan sát thực tế mùa màng từng vụ, lấy đơn vị đo gặt là thôn hoặc HTXNN kết hợp với theo dõi nắm thực thu của HTX. Bên cạnh phương án điều tra chung về năng suất, sản lượng lúa, đến năm 1971 đã ban hành riêng phương án điều tra này cho các tỉnh miền núi. Đối với các loại cây trồng khác thông tin được thu thập qua hình thức báo cáo từ xã hoặc điều tra thống kê kết hợp với theo dõi nắm thực thu từ cơ sở.

Công tác thống kê chăn nuôi được đặt ra từ những năm đầu thành lập, phương pháp điều tra chủ yếu là điều tra điển hình từ các xã, sau khi các HTXNN được thành lập công tác điều tra và báo cáo được mở rộng dần diện thực hiện ra tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Hệ thống biểu báo thống kê tình hình cơ bản trong HTXNN được ban hành để thống kê tình hình phát triển và đánh giá chất lượng phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Bắc và từ năm 1961 Phương án điều tra về tình hình sản xuất, thu nhập và phân phối trong HTXNN được ban hành.

Bên cạnh việc thu thập thông tin qua các cuộc điều tra, hoạt động thống kê nông nghiệp thời kỳ này đã tập trung nghiên cứu mở rộng phạm vi áp dụng chế độ báo cáo định kỳ về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch ở các nông trường quốc doanh và thực hiện báo cáo tiến độ sản xuất nông nghiệp. Trong thời kỳ này, theo quyết định số 168 - TTg của Thủ tướng Chính phủ (1970), hệ thống chỉ tiêu thống kê tổng hợp chính thức (trong đó có 48 chỉ tiêu về nông nghiệp và 19 chỉ tiêu về lâm nghiệp) được ban hành. Tiếp sau đó chế độ báo cáo thống kê định kỳ chính thức về nông, lâm nghiệp được ban hành (1971) gồm 114 biểu áp dụng cho các UBHC tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; cùng với nó là chế độ báo cáo thống kê định kỳ chính thức về nông, lâm nghiệp (gồm 54 biểu) áp dụng cho các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ có hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp.

Một điểm khá thành công trong thời kỳ này gắn với công tác phương pháp chế độ là từ đầu những năm 60 công tác xây dựng chế

độ ghi chép ban đầu và chế độ báo cáo thống kê - kế toán thống nhất cho các HTXNN và nông trường quốc doanh đã được nghiên cứu thí điểm và ban hành. Đến năm 1970 công tác ghi chép ban đầu, hạch toán và xây dựng chế độ báo cáo thống kê - kế toán thống nhất ở các nông trường quốc doanh, ở các HTXNN được nghiên cứu nâng cao một bước. Năm 1973 chế độ chứng từ, sổ hạch toán thống nhất của HTXNN; chế độ báo cáo nhanh; chế độ báo cáo thống kê - kế toán thống nhất của HTXNN; Biểu mẫu báo cáo điều tra định kỳ áp dụng cho UBHC xã theo quyết định của Liên Bộ: Ủy ban Nông nghiệp Trung ương - Bộ Tài chính - Tổng cục Thống kê - Ngân Hàng Nhà nước được ban hành. Tiếp theo, năm 1974 chế độ và biểu mẫu ghi chép ban đầu; chế độ báo cáo nhanh (báo cáo tác nghiệp) và báo cáo thống kê - kế toán thống nhất định kỳ chính thức áp dụng cho các nông trường quốc doanh được ban hành. Chế độ hạch toán và ghi chép ban đầu cũng như biểu mẫu báo cáo thống kê - kế toán thống nhất đã ban hành được bổ sung thêm về số lượng biểu, số lượng chỉ tiêu, phân tổ khá chi tiết thể hiện mức độ quản lý tập trung, theo kế hoạch một cách toàn diện của cơ quan quản lý cấp trên đối với các doanh nghiệp, các HTXNN.

Công tác phương pháp chế độ còn được thể hiện ở việc nghiên cứu qui định nội dung và phương pháp tính các chỉ tiêu thực hiện đạt và vượt 3 mục tiêu trong nông nghiệp (5 tấn thóc trên 1 ha đất canh tác 2 vụ lúa trong năm; 1 lao động làm 1 ha gieo trồng; 2 con lợn trên 1 ha gieo trồng). Tổng cục Thống kê đã ra một số Thông tư sau: Thông tư qui định hệ số tính đổi hoa màu lương thực (ngô,

khoai, sắn,...) ra thóc; Thông tư quy định phương pháp tính năng suất lúa và hoa màu lương thực bình quân trên 1 đơn vị diện tích canh tác trong 1 năm; Thông tư qui định phương pháp tính chỉ tiêu diện tích gieo trồng bình quân một lao động làm trong năm; Thông tư qui định phương pháp tính một số chỉ tiêu chủ yếu về phát triển chăn nuôi lợn.

Về công tác thu thập thông tin

Hoạt động đầu tiên là tiến hành thu thập, chỉnh lý một phần số liệu cơ bản về nông nghiệp năm 1939, 1955 và 1956 ở Trung ương. Nhiều cuộc điều tra đã bắt đầu được thực hiện như: Điều tra hiện trạng và biến động về đất (năm 1967, 1969); điều tra diện tích gieo cấy; điều tra sản lượng thu hoạch hoa màu; điều tra sản lượng sản vật đặc biệt; điều tra thủy lợi; điều tra trồng cây gây rừng của nhân dân; điều tra chăn nuôi; điều tra nhân khẩu, lao động và diện tích canh tác ở nông thôn; điều tra tổ đổi công và HTXNN 1957-1960. Trong các cuộc điều tra thống kê nông, lâm nghiệp: điều tra năng suất và sản lượng lúa có vị trí đặc biệt quan trọng phục vụ cho nhiệm vụ trọng tâm số một đã nêu trong các Nghị quyết, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ này gắn với việc thu mua và cung ứng lương thực cho toàn xã hội. Chính vì ý nghĩa quan trọng của cuộc điều tra này, ngay sau khi hoà bình lập lại ở miền Bắc, cuộc điều tra năng suất và sản lượng lúa đã được tiến hành vào năm 1955 - 1956 nhưng do Bộ Nông, Lâm nghiệp chỉ đạo. Sau khi thành lập, Cục Thống kê Trung ương, cuộc điều tra năng suất và sản lượng lúa được chuyển từ ngành nông nghiệp sang ngành thống kê từ vụ chiêm năm 1957.

Trên cơ sở thực hiện các cuộc điều tra và chế độ báo cáo định kỳ, chuyên ngành thống kê nông nghiệp hàng năm đã cung cấp những thông tin về diện tích đất, diện tích gieo trồng, năng suất, sản lượng cây trồng, số lượng và sản phẩm chăn nuôi (bao gồm cả nuôi cá), tình hình HTHNN (thu nhập và phân phối hoa lợi của HTX), công trình thuỷ lợi, đời sống nông dân, theo dõi tiến độ và những diễn biến bất thường trong sản xuất nông nghiệp (lũ lụt, mưa bão, dịch bệnh, sâu bệnh,...); biên soạn niên giám thống kê nông nghiệp hàng năm; thống kê đánh bắt thuỷ sản nước ngọt là thu nhập từ kinh tế phụ gia đình. Kết quả trồng cây gây rừng, tu bổ, chăm sóc và bảo vệ rừng; hoạt động khai thác gỗ và lâm sản (đánh bắt hải sản thuộc phạm vi hoạt động thống kê công nghiệp). Thông tin về việc thực hiện 3 mục tiêu trong nông nghiệp (5 tấn thóc trên 1 ha đất canh tác 2 vụ lúa trong năm; 1 lao động làm 1 ha gieo trồng; 2 con lợn trên 1ha gieo trồng).

Thời kỳ 1976-1986

Về công tác phương pháp chế độ

Một trong những trọng tâm của công tác phương pháp chế độ thời kỳ này là tập trung triển khai việc thực hiện toàn bộ chế độ hạch toán trong tất cả các HTX sản xuất nông nghiệp thuộc các huyện miền xuôi, tiếp tục thực hiện chế độ hạch toán thống nhất ở các HTX thuộc các huyện trọng điểm lúa theo hướng hoàn chỉnh tất cả các khâu ở huyện để tạo điều kiện chuyển một số cuộc điều tra nông nghiệp sang chế độ báo cáo định kỳ. Để giúp các HTX nông nghiệp và các Tập đoàn sản xuất nông nghiệp thực hiện công tác hạch toán và báo cáo các chỉ tiêu biểu mẫu cho cấp huyện, vào cuối thập kỷ 70 liên bộ Tổng cục Thống kê, Nông nghiệp, Tài

chính, Ngân hàng Nhà nước cùng phối hợp nghiên cứu xây dựng thí điểm chế độ kế toán 41 tài khoản cho các HTX nông nghiệp, các tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Năm 1978 liên bộ đã xây dựng xong chế độ kế toán cho các HTX nông nghiệp và năm 1980 cho các HTX nông nghiệp miền núi, tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Liên bộ Nông nghiệp, Tài chính, Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước đã có Quyết định số 147-QĐ/LB ban hành Chế độ kế toán, thống kê áp dụng cho các HTX nông nghiệp, HTX nông, lâm nghiệp. Đến năm 1980 Liên Bộ Nông nghiệp, Tài chính, Tổng cục Thống kê, Ngân hàng Nhà nước có Thông tư hướng dẫn vận dụng Chế độ kế toán, Thống kê HTX nông nghiệp, HTX nông, lâm nghiệp áp dụng cho các HTX nông nghiệp miền núi và các tập đoàn sản xuất nông nghiệp.

Về chế độ báo cáo, trong thời kỳ này cả nước áp dụng thống nhất các chỉ tiêu biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức vụ, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm về nông, lâm nghiệp, gồm 114 biểu (phần Quốc doanh 54 biểu, phần HTX và nhân dân 60 biểu) áp dụng cho Ủy ban Hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Ngoài ra, đã có những bổ sung vào chế độ biểu mẫu báo cáo ban hành cho các tỉnh thực hiện các chỉ tiêu về Tập đoàn sản xuất và Tổ đoàn kết sản xuất để phản ánh tình hình thực tế hợp tác hoá của các tỉnh phía Nam. Bên cạnh đó, trong quá trình thực hiện Hệ thống báo cáo thống kê định kỳ về nông, lâm nghiệp (ban hành năm 1971) Tổng cục Thống kê đã có những sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế của cả nước, phản ánh những vấn đề mới phát sinh và đáp ứng yêu cầu của Đảng và Nhà nước.

Điểm đáng chú ý trong thời kỳ này là “Hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ về nông, lâm nghiệp” mới đã được ban hành theo Quyết định số 613 TCTK/PPCĐ năm 1985 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê áp dụng cho các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương thay thế “Hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ chính thức về nông, lâm nghiệp” ban hành năm 1971. Hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ về nông, lâm nghiệp ban hành năm 1985 so với Hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ về nông, lâm nghiệp năm 1971 đã có những cải tiến, sửa đổi, tinh giản và thiết thực hơn.

Để phục vụ việc quản lý kinh tế và kế hoạch hoá của cấp huyện theo tinh thần Nghị quyết 61-CP năm 1976 và Chỉ thị 15-CT-TW của Ban bí thư về xây dựng cấp huyện, tổ chức lại sản xuất trên địa bàn huyện và tiến hành hợp tác hoá nông nghiệp ở các tỉnh phía Nam. “Chế độ báo cáo Thống kê định kỳ chính thức cấp huyện” đã được ban hành năm 1980 áp dụng cho các Phòng Thống kê huyện hoặc tổ Thống kê huyện, thị xã và thành phố trực thuộc tỉnh.

Ngoài ra, một số vấn đề liên quan khác cũng được đặc biệt quan tâm như hướng dẫn các chi cục thống kê và các bộ ngành liên quan thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ chính thức của cấp tỉnh, phương án điều tra diện tích, năng suất lúa, chăn nuôi cho các tỉnh phía Nam, nghiên cứu cải tiến bổ sung một số chỉ tiêu về điều tra thu chi tài chính, bổ xung một số chỉ tiêu, biểu mẫu điều tra cơ sở vật chất và hợp tác hoá nông nghiệp kịp thời phản ánh tình hình thực hiện Nghị quyết 61-CP của Hội đồng Chính phủ.

Về công tác thu thập thông tin

Tổ chức các cuộc điều tra: Đây là nhiệm vụ trọng tâm và xuyên suốt của công tác thống kê nông nghiệp nhằm phản ánh tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên phạm vi cả nước. Tất cả các cuộc điều tra đều tuân thủ theo phương pháp thống nhất chung cho cả nước, theo hướng dẫn cụ thể từ Trung ương cho những vùng đặc biệt để phản ánh đầy đủ, kịp thời và chính xác những chuyển biến không ngừng của đất nước sau ngày giải phóng, các cuộc điều tra trong thời kỳ này luôn được đổi mới cả về nội dung, phạm vi và phương pháp điều tra. Điều tra thường xuyên bao gồm 6 cuộc điều tra: Điều tra kết thúc diện tích gieo trồng; Điều tra năng suất sản lượng cây trồng; Điều tra chăn nuôi,... Ngoài những cuộc điều tra chính thức hàng năm, một số cuộc điều tra quan trọng khác đã được thực hiện: Điều tra đất nông nghiệp (1978); Điều tra sản phẩm thịt và trứng gia cầm; điều tra năng suất màu, cây công nghiệp và cây ăn quả (1978); Điều tra trồng cây gây rừng năm 1981 phối hợp với Bộ Lâm nghiệp tổng kết 20 năm thực hiện Tết trồng cây của Hồ Chủ Tịch.

Công tác đảm bảo thông tin: Kết quả đáng chú ý là việc chỉ đạo thực hiện tốt các loại báo cáo: Báo cáo chính thức năm, báo cáo tháng, báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, báo cáo sơ bộ năm về nông lâm nghiệp. Nội dung các báo cáo tập trung vào các mảng thông tin chủ yếu: diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp hàng năm chi tiết đến huyện, theo vùng chuyên canh, theo lãnh thổ, theo thành phần kinh tế và theo vùng tự nhiên; số lượng gia súc trâu, bò, lợn; riêng

năng suất lúa phân theo từng loại giống; số hợp tác xã đạt năng suất cao từ 5 tấn/ha trở lên. Báo cáo 9 tháng gồm đánh giá và dự báo tình hình sản xuất lương thực, thực phẩm cả năm, dự tính cân đối lương thực trong tỉnh, chú trọng phân tích tổng hợp kết quả sản xuất và điều kiện sản xuất phát hiện những nhân tố mới ảnh hưởng tới SXNN đồng thời kết hợp phản ánh kết quả điều tra chăn nuôi 1/7. Báo cáo năm gồm chỉ tiêu cân đối lương thực. Ngoài phần số liệu các báo cáo phải phân tích tình hình thực hiện hoạt động trồng trọt, thuỷ lợi, khai hoang, trồng rừng, thuỷ sản. Nêu bật được những vấn đề còn tồn tại trong sản xuất nông nghiệp (lương thực, chăn nuôi), tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý HTXNN ở miền Bắc, cải tạo XHCN ở miền Nam. Phát hiện kịp thời các nguyên nhân tăng giảm, những nhân tố mới và khả năng tiềm tàng có thể tận dụng được trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

Ngoài phần số liệu chính thức hàng năm trong thời kỳ 1976- 1986, việc biên soạn số liệu thống kê cũng được quan tâm nhằm phục vụ yêu cầu công tác kế hoạch hoá và nghiên cứu kinh tế của các cấp, các ngành phân theo 8 vùng sinh thái chi tiết đến tỉnh với các sản phẩm cụ thể: Niên giám số liệu chính thức thống kê Nông nghiệp 6 năm 1971-1976; Số liệu Thống kê nông, lâm nghiệp 1975-1980; Số liệu điều tra đất năm 1978; Số liệu Thống kê nông, lâm nghiệp 1981-1985. Các ấn phẩm này bao gồm nhiều chỉ tiêu kinh tế tổng hợp và các chỉ tiêu phản ánh cơ sở vật chất kỹ thuật, quan hệ sản xuất nông nghiệp, kết quả sản xuất từng loại cây trồng, từng loại gia súc, trồng

rừng, chăm sóc tu bổ rừng trồng cây lâm nghiệp phân tán v.v....

Thời kỳ từ năm 1987 - đến nay

Về công tác phương pháp chế độ:

Từ năm 1987 đến nay để phù hợp với cơ chế mới, phương pháp thu thập số liệu thống kê nông, lâm nghiệp và thuỷ sản được chuyển dần từng bước từ chủ yếu thu thập qua hình thức báo cáo định kỳ từ 2 thành phần kinh tế chủ yếu (quốc doanh và tập thể) sang tổ chức các cuộc điều tra chọn mẫu và Tổng điều tra (Tổng điều tra nông thôn và nông nghiệp mà các thời kỳ trước đó chưa từng làm).

Cải tiến phương pháp điều tra đã được đặc biệt chú ý, nhất là điều tra năng suất sản lượng lúa. Việc chuyển phương pháp điều tra năng suất lúa từ điều tra điển hình, điển hình phân loại cải tiến sang phương pháp điều tra chọn mẫu gặt thống kê là một bước cải tiến quan trọng trong công tác điều tra năng suất, sản lượng lúa, khắc phục tư tưởng thành tích hoặc dấu điểm năng suất, sản lượng lương thực đã xuất hiện trong phong trào thi đua đạt năng suất cao trong nông nghiệp (đạt và vượt mục tiêu 5 tấn thóc/ha đất canh tác 2 vụ lúa) đảm bảo tính khách quan, khoa học về phương pháp điều tra, tiếp cận với phương pháp thống kê hiện đại của nhiều nước trên thế giới. Tuy vậy, trong cơ chế khoán 10 phương pháp điều tra gặt thống kê nêu trên cũng bộc lộ những khó khăn mới trong việc chọn điểm, quản lý điểm gặt và gặt thống kê, chỉ đạo nghiệp vụ phát sinh phức tạp, chi phí tốn kém hơn đã không còn thích hợp với cơ chế khoán mới trong nông nghiệp. Chính vì vậy, từ năm 1992 phương pháp điều tra năng suất, sản lượng

lúa chuyển sang phương pháp phỏng vấn trực tiếp nắm thực thu tại hộ, đây là phương pháp phù hợp với cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp. Trên thực tế phương án này vẫn tiếp tục áp dụng cho đến nay và được bổ sung thay đổi hoàn thiện thêm về quy mô chọn mẫu cũng như chỉ tiêu cần thu thập. Hàng loạt các phương án điều tra khác cũng được cải tiến sửa đổi trong thời kỳ này như phương án điều tra diện tích gieo trồng, điều tra chăn nuôi, điều tra thủy sản, điều tra lâm nghiệp ngoài quốc doanh, điều tra trang trại, hợp tác xã.

Những cải tiến về Chế độ hạch toán và báo cáo thống kê cơ sở:

Đối với các đơn vị quốc doanh nông, lâm nghiệp và thủy sản và các hợp tác xã nông, lâm nghiệp và thủy sản thông tin thống kê chủ yếu được thu thập dưới hình thức báo cáo định kỳ.

Năm 1987 liên bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm và TCTK đã ban hành chế độ chứng từ và sổ đội áp dụng cho các HTX (TĐSXNN), HTX (TĐSX) nông lâm nghiệp, HTX (TĐSX) kinh doanh tổng hợp. Tuy vậy, từ năm 1988 sau cơ chế khoán 10 nhiều HTXNN tan rã, giải thể hàng loạt, công tác hạch toán và báo cáo của HTX không được thu thập và báo cáo.

Từ năm 1990 chế độ báo cáo thống kê định kỳ đối với các đơn vị quốc doanh nông, lâm nghiệp, thủy sản tiếp tục được nghiên cứu cải tiến cho phù hợp với quá trình chuyển đổi cơ chế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường. Đến năm 1991, Liên Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm và Tổng cục Thống kê đã ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ áp

dụng cho các xí nghiệp nông nghiệp quốc doanh trung ương và địa phương hạch toán kinh tế độc lập.

Việc áp dụng hình thức chế độ báo cáo thống kê kế toán định kỳ chính thức cho các cơ sở quốc doanh lâm nghiệp hoạch toán kinh tế độc lập được Tổng cục Thống kê ban hành năm 1985 và được sửa đổi năm 1991. Đến năm 1995 Tổng cục Thống kê ban hành chế độ báo cáo thống kê áp dụng cho các đơn vị hoạt động lâm nghiệp thuộc các loại hình: Ban quản lý lâm nghiệp, Ban quản lý dự án, Doanh nghiệp nhà nước, HTX, doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Liên hiệp, Tổng công ty, Chi cục kiểm lâm, Sở quản lý chuyên ngành về lâm nghiệp.

Điểm mốc quan trọng về cải tiến chế độ báo cáo đối với các doanh nghiệp nhà nước là năm 2003 Tổng cục đã ban hành bản quy định cụ thể hệ thống biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ doanh nghiệp Nhà nước theo quyết định số: 62/2003/QĐ-BKH ngày 27/01/2003 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về ban hành chế độ báo cáo thống kê định kỳ doanh nghiệp Nhà nước. Đây là chế độ báo cáo mang tính chất đa ngành đầu tiên ở nước ta được áp dụng cho các doanh nghiệp nhà nước (hoặc doanh nghiệp chiếm cổ phần chi phối của nhà nước) theo nguyên tắc doanh nghiệp có ngành nghề, hoạt động SXKD loại nào thì báo cáo loại hình đó.

Cải tiến Chế độ báo cáo thống kê tổng hợp

Trước năm 1987 các tỉnh thực hiện báo cáo thống kê ban hành theo quyết định số: 613/TCTK của Tổng cục trưởng TCTK ngày

31/11/1985. Sau cơ chế khoán 10 tình hình quản lý nông nghiệp khu vực nông thôn nước ta có nhiều thay đổi (kể cả việc khó khăn trong việc thu thập số liệu từ kinh tế hộ) nên đến năm 1989 TCTK đã sửa đổi và bổ sung một số chỉ tiêu biểu mẫu báo cáo thống kê định kỳ về nông, lâm nghiệp áp dụng tạm thời cho UBND tỉnh, TP và đặc khu trực thuộc trung ương. Đến năm 1990 hệ thống chỉ tiêu báo cáo và điều tra thống kê trong ngành nông, lâm nghiệp áp dụng cho UBND tỉnh, TP và đặc khu trực thuộc trung ương được ban hành theo quyết định số: 195/TCTK/NN của Tổng cục trưởng TCTK; đồng thời hệ thống chỉ tiêu báo cáo thống kê định kỳ và điều tra thống kê trong ngành nông, lâm nghiệp áp dụng cho các Bộ có quản lý nông, lâm nghiệp được ban hành theo quyết định số: 196/TCTK/NN của Tổng cục trưởng TCTK. So với chế độ báo cáo trước đó, hệ thống chỉ tiêu báo cáo được tinh giản khá nhiều, các thành phần kinh tế (quốc doanh, ngoài quốc doanh) được ghép chung vào một biểu đã làm giảm đáng kể số lượng biểu mẫu báo cáo. Đã ban hành chế độ báo cáo mới áp dụng cho các bộ có quản lý nông, lâm nghiệp, trong đó có phân công trách nhiệm rõ ràng hơn cho từng Bộ liên quan

Sau 5 năm thực hiện hệ thống chỉ tiêu báo cáo nêu trên, bên cạnh những ưu điểm cũng bộc lộ nhược điểm chưa đáp ứng nhu cầu thông tin trong bước chuyển đổi của nền kinh tế từ kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN có sự quản lý của Nhà nước cũng như quá trình hội nhập với thống kê các nước trong khu vực và quốc tế, v.v... Do vậy, đến năm 1996 Tổng cục Thống kê đã ban hành chế độ báo cáo

và điều tra thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quyết định số: 300 TCTK/NLTS của Tổng cục trưởng TCTK. Chế độ báo cáo so với trước đây đã được cải tiến rất nhiều về nội dung và giảm thiểu đáng kể về số lượng chỉ tiêu và báo cáo theo hướng tinh giản, thiết thực và có hiệu lực; đã bổ sung các chỉ tiêu mới trong hệ thống tài khoản quốc gia của Liên hợp quốc: giá trị sản xuất; chi phí trung gian và giá trị tăng thêm trong ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản thay thế chỉ tiêu giá trị sản lượng, thu nhập quốc dân nông, lâm nghiệp, thủy sản tính theo hệ thống bảng cân đối kinh tế quốc dân, bổ sung các chỉ tiêu về trồng rừng theo dự án 327, khai thác đánh bắt hải sản theo bảng phân ngành KTQD mới,... Đây cũng là lần đầu tiên một số phương án điều tra được hướng dẫn thực hiện thống nhất trong phạm vi cả nước.

Trước nhu cầu thông tin ngày càng nhiều, đa dạng và phong phú của nền kinh tế thị trường thì hệ thống chỉ tiêu thống kê nông, lâm nghiệp, thủy sản trong chế độ báo cáo theo quyết định số 300 đã bộc lộ nhiều nhược điểm. Do vậy, Chế độ báo cáo thống kê định kỳ nông, lâm nghiệp và thủy sản áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quyết định số: 657/2002/QĐ-TCTK năm 2002 của Tổng cục trưởng TCTK đã được ban hành nhằm khắc phục một bước nhược điểm của chế độ báo cáo năm 1996. Chế độ báo cáo cải tiến lần này vừa bổ sung những chỉ tiêu thống kê phát sinh trong nền kinh tế thị trường, những thông tin phục vụ các chương trình, dự án quốc gia, phục vụ yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước đối với sản xuất

nông, lâm nghiệp, thủy sản; vừa loại bỏ những chỉ tiêu báo cáo trùng lặp không cần thiết giữa các kênh thông tin trong nội bộ Tổng cục cũng như giữa TCTK với các Bộ ngành liên quan. Chuẩn hoá các khái niệm, cách phân tổ danh mục cây trồng, con gia súc, danh mục sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản, nội dung và phương pháp tính chỉ tiêu theo chuẩn mực quốc tế.

Công tác thu thập thông tin

Tổ chức các cuộc điều tra thống kê thường xuyên hàng năm: Điều tra diện tích gieo trồng và năng suất, sản lượng các loại cây hàng năm và cây lâu năm chủ yếu; Điều tra chăn nuôi gia súc, gia cầm và chăn nuôi khác; điều tra trang trại, hợp tác xã, Điều tra thủy sản ngoài quốc doanh; điều tra lâm nghiệp ngoài quốc doanh và nhiều cuộc điều tra khác như: điều tra nhân khẩu, hộ khẩu, lao động, máy móc thiết bị chủ yếu; điều tra chi phí trung gian để tính giá trị tăng thêm nông, lâm nghiệp, thủy sản; điều tra đột xuất nguồn lương thực và 1 số nông sản chủ yếu của nông dân,...

Cùng với các cuộc điều tra thường xuyên hàng năm từ năm 1994 đến nay, Tổng cục thống kê đã 2 lần tổ chức Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản (vào năm 1994 và năm 2001).

Với việc tổ chức thực hiện tốt các cuộc điều tra thường xuyên, các cuộc Tổng điều tra và các chế độ báo cáo nên công tác đảm bảo thông tin trong thời kỳ này đã đạt được những kết quả nổi bật, cụ thể:

Thực hiện tốt các báo cáo chính thức, báo cáo tháng, báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng, báo cáo năm, báo cáo đánh giá giữa nhiệm kỳ và báo cáo 5 năm. Hoàn thành số

liệu chính thức về nông, lâm nghiệp và thủy sản hàng năm đảm bảo chất lượng và số lượng các chỉ tiêu. Báo cáo tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản hàng tháng đảm bảo kịp thời, phản ánh sát diễn biến và tình hình sản xuất, phục vụ tốt cho báo cáo chung hàng tháng của Tổng cục. Thực hiện đầy đủ, có chất lượng các báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, báo cáo 9 tháng, báo cáo năm và các báo cáo 5 năm.

Cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời phục vụ cho việc biên soạn niên giám tóm tắt và đầy đủ hàng năm của ngành, các thông tin giúp Vụ Hệ thống Tài khoản Quốc gia tính toán các chỉ tiêu tổng hợp.

Thông tin thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản đã phục vụ ngày càng rộng rãi các đối tượng trong nước và quốc tế: Thiết lập được hệ thống trao đổi thông tin qua mạng trong lĩnh vực nông nghiệp giữa Việt Nam và các nước (thông qua dự án trao đổi thông tin của FAO). Sản phẩm Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2001 đã được phổ biến với nhiều loại sản phẩm khác nhau cung cấp cho nhiều đối tượng trong nước và quốc tế. Hàng loạt các sản phẩm về số liệu thống kê nông, lâm nghiệp và thủy sản đã được biên soạn và công bố rộng rãi như: Số liệu thống kê niên giám hàng năm; Số liệu thống kê nông nghiệp 35 năm (1956 -1990); Số liệu thống kê nông, lâm nghiệp, thủy sản Việt Nam (1985 -1995); Số liệu thống kê nông, lâm nghiệp, thủy sản Việt Nam (1975 - 2000); Số liệu thống kê nông, lâm nghiệp, thủy sản Việt Nam (1945 - 2000); Số liệu thống kê nông, lâm nghiệp, thủy sản Việt Nam (1996 - 2003); Số liệu kết quả Tổng điều tra nông thôn và nông nghiệp năm 1994; Số liệu kết quả Tổng điều tra

nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2001; Các đĩa CD về kết quả Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2001,...

3. Hướng phát triển đến năm 2010

3.1. Mục tiêu

Đổi mới thống kê nông nghiệp Việt Nam cả về nội dung và hình thức nhằm cung cấp kịp thời thông tin đầy đủ về nội dung, toàn diện về phạm vi, tin cậy về chất lượng nhằm phục vụ tốt nhất yêu cầu của Đảng, Nhà nước trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, đáp ứng ngày càng đầy đủ, thuận lợi nhu cầu sử dụng thông tin của các đối tượng khác; đưa thống kê nông nghiệp Việt Nam đạt trình độ tiên tiến của các nước trong khu vực và phù hợp với thông lệ quốc tế, góp phần tích cực vào việc hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

3.2. Định hướng phát triển thống kê nông nghiệp Việt Nam đến năm 2010

- Hoàn thiện và chuẩn hoá các sản phẩm thống kê nông nghiệp về thời gian, nội dung, hình thức, qui trình biên soạn gồm: các báo cáo thống kê tình hình sản xuất nông nghiệp, niên giám thống kê các sản phẩm công bố kết quả Tổng điều tra và điều tra thống kê, các sản phẩm thống kê nhiều năm, các sản phẩm phân tích và dự báo thống kê. Tăng cường công tác phổ biến thông tin thống kê đáp ứng tốt nhu cầu của Đảng, Nhà nước, các Bộ ngành và các đối tượng sử dụng khác. Xây dựng một cơ chế phổ biến thông tin thống kê rõ ràng, minh bạch, có biện pháp nâng cao năng lực phổ biến thông tin thống kê đến mọi đối tượng sử dụng.

- Cải tiến và hoàn thiện phương pháp thống kê theo hướng ứng dụng phương pháp thống kê hiện đại, phù hợp với các tiêu chuẩn, thông lệ thống kê quốc tế và thực tiễn Việt Nam.

- Hoàn thiện hệ thống thu thập số liệu thống kê nông nghiệp:

+ Căn cứ vào hệ thống chỉ tiêu quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để phân công, phối hợp trong hoạt động thống kê, xây dựng chương trình điều tra thống kê quốc gia, xây dựng chế độ báo cáo thống kê tổng hợp và chế độ báo cáo thống kê cơ sở.

+ Căn cứ vào yêu cầu thông tin của Chính phủ, của các Bộ, ngành, Tổng cục Thống kê chủ trì tổ chức Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản theo chu kỳ 5 năm.

Phân công và tổ chức các cuộc điều tra (định kỳ và hàng năm) một cách hợp lý trên phạm vi cả nước giữa Tổng cục Thống kê và các Bộ, ngành trên cơ sở phân công trách nhiệm thu thập, tổng hợp hệ thống chỉ tiêu quốc gia và nhu cầu thông tin phục vụ quản lý của từng Bộ, ngành.

+ Cải tiến chế độ báo cáo thống kê doanh nghiệp theo hướng giảm báo cáo định kỳ, tăng cường thu thập thông tin qua việc tổ chức điều tra phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp bảo đảm các thông tin của báo cáo thống kê phản ánh đúng, đầy đủ về thực trạng doanh nghiệp, cung cấp được các thông tin cần thiết để tính và xác định các chỉ tiêu về kết quả sản xuất kinh doanh ngành nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu tổng hợp thông tin về doanh nghiệp■